

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 1997

LUẬT

Bầu cử đại biểu Quốc hội

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;
Luật này quy định việc bầu cử đại biểu Quốc hội,*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Việc bầu cử đại biểu Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 2

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật.

Điều 3

Đại biểu Quốc hội có những tiêu chuẩn sau đây:

- Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần kiệm liên chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật;

- 3- Có trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước;
- 4- Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, được nhân dân tín nhiệm;
- 5- Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

Điều 4

Ủy ban thường vụ Quốc hội công bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội; giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội, bảo đảm cho việc bầu cử được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật.

Chính phủ chỉ đạo công tác bầu cử theo quy định của pháp luật.

Điều 5

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội; tham gia giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội.

Điều 6

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật.

Điều 7

Kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội do ngân sách nhà nước bảo đảm.

CHƯƠNG II

SỐ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ KHU VỰC BỎ PHIẾU

Điều 8

- 1- Tổng số đại biểu Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không quá bốn trăm năm mươi người.
- 2- Căn cứ để phân bổ đại biểu Quốc hội của mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:
 - a) Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất ba đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương;

b) Số đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương;

c) Thủ đô Hà Nội được phân bố số đại biểu thích đáng.

3- Căn cứ vào quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 9

Căn cứ vào số lượng đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 8 của Luật này, căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội, để bảo đảm tỷ lệ đại diện hợp lý của các tầng lớp nhân dân trong Quốc hội, sau khi trao đổi ý kiến với Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, chậm nhất là tám mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến lần thứ nhất về:

1- Cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội;

2- Số lượng đại biểu Quốc hội được bầu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương.

Điều 10

Số đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến theo đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm để các thành phần dân tộc thiểu số có số đại biểu thích đáng.

Điều 11

Đại biểu Quốc hội được bầu theo đơn vị bầu cử. Ở mỗi đơn vị bầu cử được bầu không quá ba đại biểu. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử.

Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị và số đại biểu của mỗi đơn vị được tính căn cứ theo số dân do Ủy ban thường vụ Quốc hội ấn định và được công bố chậm nhất là bảy mươi ngày trước ngày bầu cử.

Điều 12

Mỗi đơn vị bầu cử chia thành nhiều khu vực bỏ phiếu. Việc chia khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định và do Ủy ban nhân dân cấp trên

trực tiếp phê chuẩn.

Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến hai nghìn cử tri. ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có tới ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Đơn vị vũ trang nhân dân thành lập những khu vực bỏ phiếu riêng, trừ trường hợp quy định tại đoạn 3 Điều 17 của Luật này.

Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, nhà nuôi người tàn tật có từ năm mươi cử tri trở lên có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng.

Cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh đối với những người đang chấp hành quyết định xử lý hành chính có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng.

CHƯƠNG III

CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ

Điều 13

Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội gồm có:

Hội đồng bầu cử ở trung ương;

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử;

Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu.

Điều 14

Chậm nhất là chín mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Hội đồng bầu cử từ mười lăm đến hai mươi một người, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các uỷ viên là đại diện Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Hội đồng bầu cử có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Lãnh đạo việc tổ chức bầu cử trong cả nước; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội;

2- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử;

- 3- Chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trong cuộc bầu cử;
- 4- Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; gửi tiểu sử tóm tắt của những người ứng cử đến Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- 5- Nhận hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban bầu cử gửi đến;
- 6- Quy định mẫu thẻ cử tri và phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội;
- 7- Lập và công bố danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước;
- 8- Xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và Tổ bầu cử; xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử do Ủy ban bầu cử hoặc Ban bầu cử chuyển đến; xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử; xét và giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử;
- 9- Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử do Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử gửi đến; làm biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước;
- 10- Xét và quyết định việc bầu cử lại, bầu cử thêm hoặc huỷ bỏ kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử;
- 11- Công bố kết quả bầu cử trong cả nước;
- 12- Cấp giấy chứng nhận cho đại biểu trúng cử;
- 13- Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội khoá mới biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và những hồ sơ, tài liệu về bầu cử.

Điều 15

Chậm nhất là tám mươi ngày trước ngày bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi thống nhất với Ủy ban nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử từ bảy đến mười một người, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, một số cơ quan, tổ chức hữu quan.